

Số: /2021/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Điều 3. Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học; các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Hội đồng QGGD và PTNNL;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Độ

QUY CHẾ

**Thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt
dùng cho người nước ngoài**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~27~~ /2021/TT-BGDĐT ngày ~~07~~ tháng ~~10~~ năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là thi đánh giá năng lực tiếng Việt), bao gồm: mục đích, nguyên tắc; hình thức thi; chứng chỉ; đơn vị tổ chức thi; đối tượng dự thi và đăng ký dự thi, Hội đồng thi; đề thi; tổ chức thi; chấm thi và phúc khảo; duyệt kết quả thi, quản lý chứng chỉ, báo cáo và lưu trữ hồ sơ thi; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc

1. Tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt nhằm đánh giá năng lực tiếng Việt cho người có nhu cầu theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2. Việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt phải bảo đảm nguyên tắc trung thực, chính xác, khách quan, minh bạch, phản ánh đúng năng lực tiếng Việt của người được đánh giá về 04 (bốn) kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.

Điều 3. Hình thức thi

1. Các kỹ năng nghe, đọc, viết được tổ chức theo hình thức thi trên giấy

hoặc trên máy vi tính (sau đây gọi là máy tính).

2. Kỹ năng nói được tổ chức theo hình thức thi nói trực tiếp trước giám khảo hoặc thi nói trên máy tính.

3. Đối với từng kỳ thi, đơn vị tổ chức thi thông báo về hình thức thi trên giấy hay trên máy tính, thi nói trực tiếp trước giám khảo hay nói trên máy tính để thí sinh biết trước khi đăng ký dự thi.

Điều 4. Chứng chỉ tiếng Việt

1. Chứng chỉ tiếng Việt được cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng từ bậc 1 đến bậc 6 của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2. Bộ GDĐT quy định mẫu chứng chỉ tiếng Việt. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ tiếng Việt do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định.

Chương II

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT

Điều 5. Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt

Đơn vị được tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt (sau đây gọi tắt là đơn vị tổ chức thi) bao gồm: Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.

Điều 6. Điều kiện đối với đơn vị được tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt

1. Có đội ngũ nhân sự quản lý, biên soạn câu hỏi thi, đề thi, kỹ thuật viên đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ để tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt; những người này hoặc là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức hoặc là người lao động đã được ký hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, trong đó:

a) Có ít nhất 10 người để thực hiện nhiệm vụ biên soạn câu hỏi thi, đề thi và chấm thi; những người này phải có trình độ tối thiểu là thạc sĩ thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam hoặc ngành Văn học hoặc chuyên ngành Ngữ văn/tiếng Việt thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục;

b) Có đội ngũ kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu để sử dụng các thiết bị tin học,

âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức thi và chấm thi.

2. Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu sau:

a) Khu vực thi bảo đảm các yêu cầu về an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ. Có đủ phòng thi và các phòng chức năng để tổ chức thi cả 04 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cho ít nhất 30 thí sinh trong một lượt thi;

b) Phòng thi phải bảo đảm: đủ ánh sáng, bàn, ghế, phấn hoặc bút dạ, bảng hoặc màn chiếu; có hệ thống camera giám sát không kết nối mạng internet, ghi được toàn bộ diễn biến của cả phòng thi trong suốt thời gian thi; có đồng hồ dùng chung để tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài; có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình;

c) Có thiết bị kiểm tra an ninh (công từ hoặc thiết bị cầm tay) nhằm kiểm soát và ngăn chặn việc mang tài liệu, đồ dùng trái phép vào phòng thi;

d) Có dụng cụ bảo quản đồ đạc của thí sinh để bên ngoài phòng thi;

đ) Phòng làm việc của Hội đồng thi phải có đủ trang thiết bị và đồ dùng cần thiết để phục vụ công tác trực thi, giao nhận đề thi và bài thi; có hòm, tủ hoặc két sắt, có khoá chắc chắn để bảo quản đề thi và bài thi;

e) Có trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về Đề án tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt của đơn vị, định dạng đề thi, đề thi minh họa, hình thức thi, danh sách thí sinh đăng ký dự thi; thông báo lịch thi, địa điểm thi; tra cứu kết quả thi và chứng chỉ;

g) Có khu vực làm đề thi riêng biệt bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật cho công tác ra đề thi.

3. Có ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt (gọi tắt là ngân hàng câu hỏi thi) phục vụ xây dựng đề thi đáp ứng quy định tại Điều 12 Quy chế này; ngân hàng câu hỏi thi có số lượng câu hỏi thi để tạo ra tối thiểu 30 đề thi đúng với định dạng đề thi theo quy định, trong đó số lượng các câu hỏi thi trùng nhau giữa các đề thi không quá 10%.

4. Điều kiện bổ sung đối với hình thức thi trên máy tính:

a) Có hệ thống máy tính gồm máy chủ, các máy trạm, thiết bị lưu trữ dữ liệu, thiết bị lưu điện, nguồn điện dự phòng, các thiết bị phụ trợ bảo đảm yêu cầu về kĩ thuật để tổ chức cho ít nhất 30 thí sinh trong một lượt thi;

b) Có phần mềm tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt (gọi tắt là phần mềm tổ chức thi) trên máy tính đáp ứng các yêu cầu: Có giao diện thân thiện, dễ cài đặt, dễ sử dụng; có khả năng nhận dữ liệu đề thi từ phần mềm ngân hàng câu hỏi thi để sinh đề thi theo quy định; có khả năng ngắt kết nối với các phần mềm ứng dụng và thiết bị bên ngoài; bảo đảm thuận lợi cho thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm để làm bài thi bằng tài khoản thi cá nhân; có các chức năng chụp ảnh thí sinh và đưa vào dữ liệu thi; có đồng hồ đếm ngược và tính năng xem trước câu hỏi tiếp theo, thống kê câu hỏi đã trả lời, tự động chấm điểm bài thi trắc nghiệm; tự động lưu kết quả thi của thí sinh ngay tại thời điểm có sự cố (như mất điện, mất kết nối với máy chủ,...), hoặc khi hết thời gian làm bài, hoặc thí sinh bấm nút “Kết thúc”; cho phép giám khảo nhập kết quả thi kỹ năng nói và viết, in kết quả tổng bài thi của thí sinh;

c) Phần mềm tổ chức thi có thể tích hợp cùng phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi thi nhưng phải bảo đảm yêu cầu về bảo mật và có quy trình sử dụng được Thủ trưởng đơn vị tổ chức thi phê duyệt.

5. Có Đề án tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt, Đề án phải cung cấp đầy đủ các thông tin và minh chứng đáp ứng yêu cầu tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Đơn vị tổ chức thi chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án.

Điều 7. Thông báo việc đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt của đơn vị tổ chức thi

Các đơn vị có nhu cầu tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt xây dựng Đề án; báo cáo Bộ GDĐT (qua Cục Quản lý chất lượng) để kiểm tra, xác nhận điều kiện bảo đảm chất lượng tổ chức thi theo yêu cầu quy định tại Điều 6 Quy chế này. Cục Quản lý chất lượng thông báo về việc đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho đơn vị để triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Quy chế này.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG DỰ THI, ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀ HỘI ĐỒNG THI

Điều 8. Đối tượng dự thi và đăng ký dự thi

1. Đối tượng dự thi: Các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực tiếng Việt và cấp chứng chỉ tiếng Việt: